

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ánh M, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VC, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VC, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17/8/2022, nguyên đơn chị Phan Thị Ánh M trình bày:

Vào năm 1996, chị M và anh T qua quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 21/02/1998. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Trần Trung H, sinh ngày 01/7/1997 và Trần Hoàng T, sinh ngày 01/01/2005, hiện con chung Trần Hoàng T đang sống chung với chị M.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên gây cãi, mâu thuẫn kéo dài vẫn không khắc phục được nên chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ năm 2020 cho đến nay không có đoàn tụ trở lại.

Nay chị M cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: con chung Trần Trung H, sinh ngày 01/7/1997 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Trần Hoàng T, sinh ngày 01/01/2005, hiện đang sống chung với chị M, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn tên Trần Hoàng T, sinh ngày 01/01/2005 trình bày: T là con chung của ông Trần Văn T và bà Phan Thị Ánh M. Khi cha mẹ ly hôn T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Đồng thời xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho bị đơn anh Trần Văn T biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị M. Nhưng anh Trần Văn T không có văn bản trả lời và vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời đều vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình T thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; quá trình tiến hành tố tụng xét xử vụ án, mặc dù đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa chị M và anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp. Chị M cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được, nên chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T không đến phiên tòa, thể hiện anh T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng T, sinh ngày 01/01/2005; xét hiện T đang sống chung với chị M, T vẫn phát triển tốt về mọi mặt, T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị M. Do đó, yêu cầu của chị M là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung Trần Trung H, sinh ngày 01/7/1997 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Ánh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn chị Phan Thị Ánh M được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Hoàng T, sinh ngày 01/01/2005 cho nguyên đơn chị Phan Thị Ánh M nuôi dưỡng.

Đối với con chung tên Trần Trung H, sinh ngày 01/7/1997 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0007248 ngày 05/7/2022. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích

